

Bản án số 164/2025/HC-PT

Ngày 14/3/2025

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi, ông Phùng Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 408/2024/TLPT-HC ngày 13/11/2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 208/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 494/2025/QĐ-PT ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông **Đào Văn Đ**, có mặt

Địa chỉ: **nhà số B đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện theo yêu cầu của **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ** là Luật sư **Nguyễn Tiến T**, thuộc **Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đ**, có mặt

Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân huyện E**, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2024 của Chủ tịch **UBND huyện E** là ông **Lê Đình C** (Phó Chủ tịch **UBND huyện E**), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông **Nguyễn Thụ K** - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện E**, mặt; bà **Nguyễn Thị L** là Phó Phòng Tư pháp huyện Ea Kar, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 14/6/2024, Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 27/8/2024 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông **Đào Văn Đ** trình bày:

Quyền sử dụng 1.400m² đất tại khu vực **đồi C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** có nguồn gốc của ông **Y Dhok Ê B** (tên thường gọi **Ama T1**) chuyển nhượng cho ông **Đ** ngày 31/7/1993. Sau khi nhận chuyển nhượng ông **Đ** đã đầu tư san lấp mặt bằng, làm đường giao thông và ký Hợp đồng cho **Công ty X** thuê để khai thác đất, đá tại đồi Cư Huê phục vụ xây dựng công trình giao thông **Quốc lộ B**. Năm 2003

UBND huyện E thu hồi diện tích đất nêu trên của ông Đ để xây dựng Nhà văn hóa cộng đồng cho 3 Buôn, thuộc xã C, nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ông Đ đối với diện tích đất bị thu hồi nên ông Đ khởi kiện. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 166/2023/ HC-PT ngày 23/5/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho ông Đ đối với diện tích 14.400m² đất thu hồi của ông Đ.

Ngày 08/4/2024 Ủy ban nhân dân huyện E đã ban hành Quyết định số 18/QĐ/UBND thu hồi 14.069,1m² đất của ông Đ thuộc các thửa đất số 20, 21, 34, 35, 46, 64, 66, 67 tờ bản đồ số 10 và ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất cho ông Đ đối với diện tích đất bị thu hồi là 408.004.000 đồng (B1 96). Bản án hành chính phúc thẩm số 166/2023/HC-PT ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi 14.400m² đất của ông Đ, nhưng Quyết định số 18/QĐ/UBND của UBND huyện E chỉ thu hồi và bồi thường cho ông Đ đối với diện tích 14.069,1m² đất là thiếu diện tích và UBND huyện E chưa bồi thường cho ông Đ chi phí làm 01km đường giao thông từ Quốc lộ B đến diện tích đất bị thu hồi và chưa bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất bị thu hồi; chưa bồi thường chi phí đầu tư san lấp mặt bằng đối với diện tích đất bị thu hồi; chưa hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Nay, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định thu hồi đất số 18/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện E;

- Hủy một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất số 17/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện E; buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định bồi thường cho ông Đ chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất, bồi thường chi phí làm 01 km đường giao thông và tiền lãi 904.766.000 đồng, bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất bị thu hồi 1.050.000.000đ và hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngày 17/9/2024, ông Đ rút yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND, rút yêu cầu bồi thường chi phí làm 01 km đường giao thông và tiền lãi, rút yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất bị thu hồi 1.050.000.000đ; ông Đ chỉ còn yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 17/QĐ-UBND, buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định bồi thường cho ông Đ chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất và hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

* Người bị kiện là UBND huyện E trình bày:

Diện tích 14.069,1m² đất mà UBND huyện E thu hồi của ông Đ để xây dựng nhà Văn hóa cộng đồng là đất trồng cây lâu năm, ông Đường K1 trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất.

Ông Đ là cán bộ hưu trí nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm. Về chi phí đầu tư vào đất thì ông Đ san lấp

mặt bằng diện tích đất nêu trên và cho Công ty X thuê khai thác đá tại Đ để xây dựng Quốc lộ B nên ông Đ có quyền đề nghị Công ty X thanh toán chi phí ông Đ đầu tư vào đất (nếu có). Việc ông Đ bỏ chi phí xây dựng 01km đường từ Quốc lộ B đến Đồi C là để phục vụ cho việc ông Đ cho Công ty X thuê vận chuyển đá khai thác từ Đồi C, UBND xã C không thuê ông Đ xây dựng đường nên không có căn cứ để bồi thường chi phí làm đường cho ông Đ. Về bồi thường thiệt hại do không canh tác trên đất thì ông Đường K1 sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi mà sử dụng diện tích đất nêu trên cho Công ty X thuê sử dụng khai thác đất, đá đồi Cư Huê nên không có căn cứ để bồi thường khoản này cho ông Đ. UBND huyện E đã bồi thường về đất cho ông Đ theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 là đúng với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 208/2024/HC-ST ngày 27/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 77; điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 03 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn Đ:

1. Tuyên bố hành vi của UBND huyện E, không ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho ông Đào Văn Đ chi phí đầu tư vào đất còn lại, khi nhà nước thu hồi đất là trái pháp luật.

2. Buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho ông Đào Văn Đ về chi phí đầu tư vào đất còn lại, theo quy định của pháp luật.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn Đ về việc hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất số 17/QĐ-UBND, ngày 08/4/2024 của UBND huyện E và buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Đ.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn Đ về việc hủy Quyết định thu hồi đất số 18/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện E; buộc UBND huyện E phải ban hành phải quyết định bồi thường cho ông chi phí làm đường giao thông và tiền lãi là 904.766.000đ; bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất bị thu hồi 1.050.000.000đ.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện E phải chịu 300.000 đồng; ông Đào Văn Đ không phải chịu.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- UBND huyện E kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- UBND huyện EaKar giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị bác kháng cáo của UBND huyện E, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Năm 2003, UBND huyện E thu hồi diện tích 1.400m² đất tại khu vực đồi C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do ông Đ nhận chuyển nhượng bằng Giấy viết tay ngày 31/7/1993 của ông Y Dhok Ê B (tên thường gọi Ama T1) để xây dựng Nhà văn hóa B1, nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất của ông Đ, cũng như không ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ nên ông Đ khởi kiện. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 166/2023/HC-PT ngày 23/5/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích 14.400m² đất mà ông Đ đã mua của ông Ama T1 tại khu vực đồi C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Thi hành Bản án hành chính có hiệu lực pháp luật, ngày 08/4/2024 Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 18/QĐ/UBND thu hồi diện tích 14.069,1m² đất của ông Đ và ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, theo đó bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ “tổng diện tích 14.069,1m² đất, loại đất trồng cây hàng năm khác với số tiền 408.004.000 đồng”. Không đồng ý với Quyết định số 18/QĐ/UBND và Quyết định số 17/QĐ-UBND nêu trên, ông Đ khởi kiện cho rằng theo quyết định của Bản án hành chính phúc thẩm thì diện tích đất ông Đ được bồi thường, hỗ trợ là 14.400m² đất, nhưng UBND huyện E chỉ bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 14.069,1m² đất là thiếu diện tích và UBND huyện E chưa bồi thường cho ông Đ chi phí làm 01km đường giao thông từ Quốc lộ B đến diện tích đất bị thu hồi, chưa bồi thường chi phí ông Đ bỏ ra đầu tư san lấp mặt bằng, chưa hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm nên yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND và hủy một phần Quyết định số 17/QĐ-UBND, buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bồi thường cho ông Đ về chi phí đầu tư vào đất còn lại, chi phí làm 01km đường giao thông và tiền lãi 904.766.000 đồng, bồi thường thiệt hại diện tích đất bị thu hồi 1.050.000.000 đồng và yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đ rút yêu cầu hủy Quyết định số 18/QĐ-UBND, rút yêu cầu UBND huyện E bồi thường chi phí làm 01km đường giao thông và tiền lãi 904.766.000đ, rút yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 1.050.000.000đ; ông Đ chỉ còn yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số

17/QĐ-UBND và buộc UBND huyện E ban hành lại quyết định bồi thường cho ông Đ chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Bản án hành chính sơ thẩm số 208/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, hủy một phần Quyết định số 17/QĐ-UBND và buộc UBND huyện E ban hành lại Quyết định bồi thường cho ông Đ “Chi phí đầu tư vào đất còn lại, khi nhà nước thu hồi đất”; bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ về hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện ông Đ đã rút. Sau khi xét xử sơ thẩm, chỉ có UBND huyện E kháng cáo.

[4] Xét, tại Tờ trình ngày 07/4/1993, Công ty X công trình 507 gửi UBND huyện E và UBND xã C, nội dung xin khai thác đất tại đồi C để lấy đất phục vụ làm nền đường Q, và Quốc lộ A (có sơ đồ vị trí kèm theo tờ trình); như vậy, Công ty X xin khai thác đất tại đồi C là xin khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 66 Luật đất đai năm 1993 và Điều 94 Luật đất đai năm 2003 nên Nhà thầu (Công ty X) phải tự thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ hoa màu trên đất với chủ sử dụng đất để được khai thác lấy đất và sau khi khai thác đất xong Công ty X phải khắc phục, cải tạo mặt bằng và trả lại đất cho chủ sử dụng. Hơn nữa, ông Đường K1 bỏ chi phí đầu tư làm tăng độ màu mỡ của đất để phục vụ sản xuất nông nghiệp mà ông Đ chỉ tự khai thác lấy đất để bán hoặc hợp tác với Công ty X khai thác đất để bán nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND huyện E bồi thường cho ông Đ chi phí đầu tư vào đất làm tăng độ màu mỡ của đất là không đúng quy định của pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Mặt khác, ông Đ chỉ tự khai thác hoặc hợp tác với Công ty X khai thác đất để bán, nhưng đã được UBND huyện E thi hành Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực số 166/2023/HC-PT ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bồi thường cho ông Đ đối với diện tích 14.069,1m² đất nông nghiệp số tiền 408.004.000 đồng và hỗ trợ chi phí làm 8km đường tại xã C số tiền 535.015.000 đồng (như vậy, đã bồi thường 2 lần đối với khối lượng đất khai thác tại đồi C để làm đường). Từ các căn cứ trên, cấp phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 17/QĐ-UBND, buộc UBND huyện E phải ban hành lại Quyết định bồi thường cho ông Đ “Chi phí đầu tư vào đất còn lại, khi nhà nước thu hồi đất” là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận kháng cáo của UBND huyện E sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện ông Đ đã rút trước khi xét xử sơ thẩm. Ông Đ là người cao tuổi và đã có Đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện E kháng cáo được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 208/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, như sau:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 173 và Điều 77 Luật Tổ tụng hành chính; điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 03 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông **Đào Văn Đ** yêu cầu Tòa án hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất số 17/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của **UBND huyện E** và buộc **UBND huyện E** phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho ông **Đ** chi phí đầu tư vào đất còn lại, chi phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

2. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông **Đào Văn Đ** mà ông **Đ** đã rút gồm yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 18/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của **UBND huyện E** và buộc **UBND huyện E** ban hành quyết định bồi thường cho ông **Đ** chi phí làm đường giao thông và tiền lãi 904.766.000đ; bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất bị thu hồi 1.050.000.000đ.

3. **H** lại **UBND huyện E** 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014139 ngày 23/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Kim Nhân